

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 107 /2021/HNGĐ- ST

Ngày: 21-9-2021

V/v Ly hôn và nuôi con chung.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT- TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lập Tiến và ông Lê Phúc Tiếng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Trần Tổ Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 về việc ly hôn và nuôi con chung; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 87/2021/QĐHPT ngày 24 tháng 8 năm 2021 và Thông báo thời gian, địa điểm mở phiên tòa số: 18/2021/TB-HNGĐ ngày 13/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ D, sinh năm: 1986

Địa chỉ: 71/1/1 đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Lưu Bá N, sinh năm: 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 71/1/1 đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ D trình bày:

Chị D và anh Lưu Bá N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 19/9/2011.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Trong suốt thời gian sống chung từ năm 2011 đến năm 2020 thì vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, anh N thường xuyên say xỉn, có lần còn đánh vợ con, không quan tâm chăm sóc gia đình, mặc dù đã cố gắng hàn gắn

nhưng không thành. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lưu Bá N.

Về con chung: Chị D và anh N có 01 con chung là cháu Lưu An K, sinh ngày 12/9/2012, sau khi ly thân thì cháu sống cùng chị D. Nguyên vọng của chị D là được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung đến khi đủ tuổi thành niên và yêu cầu anh N cấp dưỡng với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị D có đơn xin thay đổi nội D khởi kiện, không yêu cầu tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện chị D đang làm nghề trang điểm cô dâu và mua bán mỹ phẩm, có thu nhập và nơi ở ổn định, đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 24/3/2021 bị đơn anh Lưu Bá N trình bày:

Anh và chị D kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2011, trong hơn 09 năm chung sống vợ chồng hay cãi nhau, gây chuyện vì bất đồng suy nghĩ trong cuộc sống hàng ngày, nay chị D xin ly hôn thì đề nghị Tòa án xem xét;

Về con chung anh và chị D có 01 con chung anh N xin được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và N đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Lê Thị Mỹ D.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ D được ly hôn anh Lưu Bá N.

Về nuôi con chung: Giao 01 con chung là cháu Lưu An K, sinh ngày 12/9/2012 cho chị Lê Thị Mỹ D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Anh Lưu Bá N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị D và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Bị đơn anh N đã được Tòa án tổng đạt triệu tập tham gia hòa giải hợp lệ theo quy định pháp luật nhưng anh N vẫn vắng mặt tại phiên hòa giải không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn anh Lưu Bá N cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, N đơn chị Lê Thị Mỹ D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lưu Bá N vắng mặt là lần thứ hai, do đó Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử yêu cầu khởi kiện của chị D là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội D vụ án: Xét yêu cầu của chị Lê Thị Mỹ D xin ly hôn anh Lưu Bá N. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị D và anh N tự nguyện chung sống, và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 19/9/2011 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của đương sự; theo chị D trình bày: Trong suốt thời gian sống chung từ năm 2011 đến năm 2020 thì vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, anh N thường xuyên say xỉn, và bạo hành gia đình, không quan tâm chăm sóc gia đình, mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lưu Bá N.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lưu Bá N cũng xác định trong thời gian chung sống vợ chồng hay cãi nhau, gây chuyện vì bất đồng suy nghĩ trong cuộc sống hàng ngày, nay chị D xin ly hôn thì đề nghị Tòa án xem xét

Tòa án đã tiến hành xác minh và tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng anh N vắng mặt không đến Tòa tham gia tố tụng để hòa giải, hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Kết quả xác minh tại địa phương xác định: Quá trình chung sống vợ chồng chị D, anh N phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm có xảy ra cãi vã, không quan tâm chăm sóc nhau.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị D, anh N đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh Lưu Bá N của chị Lê Thị Mỹ D là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị D và anh N có 01 con chung là cháu Lưu An K, sinh ngày 12/9/2012, sau khi anh chị sống ly thân thì cháu sống cùng chị D. Nguyên vọng của chị D là được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung đến khi đủ tuổi thành niên, cháu K cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ, hiện chị D đang làm nghề trang điểm cô dâu và mua bán mỹ phẩm, có thu nhập và nơi ở ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Do đó để ổn định cuộc sống của cháu cần giao cháu K cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh N có quyền đi lại, thăm nom chăm sóc con chung là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 .

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh N cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên, tuy nhiên ngày 15/9/2021 chị D có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện và phù hợp cần chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Lưu Bá N không phải chịu án phí DSST.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ D.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ D được ly hôn anh Lưu Bá N.

Về nuôi con chung: Giao 01 con chung là cháu Lưu An K, sinh ngày 12/9/2012, cho chị Lê Thị Mỹ D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Anh Lưu Bá N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị Mỹ D và anh Lưu Bá N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Mỹ D phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0013987 ngày 12/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, Đắk Lắk. Anh Lưu Bá N không phải chịu tiền án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh, Tp. BMT;
- THADS Tp. B;
- UBND P. E;
- Đương sự.
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

